

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VŨNG LIÊM
TỈNH VĨNH LONG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 66/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 20-05-2022

“V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM
TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Mẫn.

*Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Trung Du
Bà Trần Thị Thu Hà*

*- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Hương Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện
Vũng Liêm - Tỉnh Vĩnh Long.*

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long không tham
gia phiên tòa.*

Ngày 20 tháng 05 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm xét
xử công khai vụ án thụ lý số: 181/2022/TLST – HNGĐ, ngày 12 tháng 04 năm 2022,
về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:
102/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 06 tháng 05 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: anh **Trần Phú S** – sinh năm: 1991 (vắng, có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: số 98/10, khóm 4, thị trấn T, huyện T, tỉnh V.

- Bị đơn: chị **Nguyễn Thị Kiều T** – sinh năm: 1996 (vắng, có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: ấp H, xã H, huyện V, tỉnh L.

-Người có quyền lợi,nghĩa vụ liên quan: Bà **Nguyễn Thị A** – sinh năm: 1976
(vắng, có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: ấp H, xã H, huyện V, tỉnh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn
anh Trần Phú S trình bày:*

*- Về quan hệ hôn nhân: Anh S và chị T hôn nhân hình thành do tự quen biết, tìm
hiểu và được sự đồng ý của hai bên gia đình anh S và chị T đi đến hôn nhân có tổ chức
lễ cưới vào ngày 30/4/2021 nhưng không có đăng ký kết hôn.*

*Vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc đến tháng 12 năm 2021 thì phát sinh mâu
thuẫn, nguyên nhân là do anh và chị T không hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống
nên thường hay cự cãi, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, cuộc sống vợ chồng không hạnh
phúc, vợ chồng sống ly thân từ tháng 12 năm 2021 cho đến nay. Nay anh S yêu cầu
được ly hôn với chị Nguyễn Thị Kiều T.*

- Về con chung: vợ chồng không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải

quyết.

- Về tài sản chung: vợ chồng có tài sản chung là số vàng cưới 17 chỉ vàng 24K hiện do bà Nguyễn Thị A đang giữ, khi ly hôn anh S yêu cầu bà A giao trả 17 chỉ vàng 24K để chia tài sản chung của vợ chồng, anh S yêu cầu chia đôi số vàng cưới nêu trên, phần anh S yêu cầu được nhận 8,5 chỉ vàng 24K và phần chị T nhận 8,5 chỉ vàng 24K.

Nay anh S và bà A, chị Kiều T đã thỏa thuận giải quyết xong nên anh S xin rút yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng. Anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung phải thu, phải trả: Anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Nguyễn Thị Kiều T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh S hôn nhân hình thành do tự quen biết, tìm hiểu và được sự đồng ý của hai bên gia đình chị T và anh S đi đến hôn nhân có tổ chức lễ cưới vào ngày 30/4/2021, nhưng không có đăng ký kết hôn.

Vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc đến tháng 10 năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị T và anh S không hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống nên thường hay cự cãi, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, vợ chồng sống ly thân từ tháng 12 năm 2021 cho đến nay. Nay với yêu cầu xin ly hôn của anh Trần Phú S thì chị T đồng ý.

- Về con chung: vợ chồng không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Nay chị T và anh S đã thỏa thuận giải quyết xong, nên chị T không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung phải thu, phải trả: Chị T không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị A trình bày:

Đối với yêu cầu chia tài sản chung của anh S và T thì giữa bà A và S, chị T đã thỏa thuận giải quyết xong nên bà A không có ý kiến và yêu cầu gì trong vụ án này.

- Tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:

Nguyên đơn đã nộp: Đơn xin xác nhận không đăng ký kết hôn (bản chính); Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân (bản chính).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về thủ tục tố tụng:** Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm.

Nguyên đơn anh Trần Phú S, bị đơn chị Nguyễn Thị Kiều T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị A có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] **Về hôn nhân:** Căn cứ giấy xác nhận tình trạng hôn nhân tại Ủy ban nhân dân thị trấn T ngày 05/05/2021 xác nhận anh S hiện tại chưa đăng ký kết hôn với ai và Đơn yêu cầu xác nhận không có đăng ký kết hôn ngày 29/03/2022 gửi Ủy ban nhân dân xã H xác nhận từ tháng 4/2021 đến nay anh S và chị T không có đăng ký kết hôn. Anh S và chị T đều thừa nhận sau ngày cưới cho đến nay vợ chồng chung sống với nhau nhưng

không có đi đăng ký kết hôn. Do vậy, mối quan hệ hôn nhân giữa anh Trần Phú S và chị Nguyễn Thị Kiều T là quan hệ hôn nhân không hợp pháp do anh chị chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2021 đến nay nhưng không đăng ký kết hôn, anh S và chị T đều thừa nhận vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn gia đình dẫn đến ly thân.

Hội đồng xét xử xét thấy anh Trần Phú S và chị Nguyễn Thị Kiều T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2021 cho đến nay mà không đăng ký kết hôn là vi phạm pháp luật, cần áp dụng khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình không công nhận anh chị là vợ chồng.

[3] **Về con chung:** anh Trần Phú S và chị Nguyễn Thị Kiều T thống nhất xác định vợ chồng không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] **Về tài sản chung của vợ chồng:** Anh Trần Phú S và chị Nguyễn Thị Kiều T không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh Trần Phú S có đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị A trả số vàng cưới là 17 (mười bảy) chỉ vàng 24K và yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng là số vàng cưới 17 (mười bảy) chỉ vàng 24K nên Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu khởi kiện anh S đã rút.

[5] **Về nợ chung phải thu, phải trả của vợ chồng:** anh Trần Phú S và chị Nguyễn Thị Kiều T không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] **Án phí dân sự sơ thẩm:** Buộc anh Trần Phú S phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Chị Nguyễn Thị Kiều T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 217, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào Điều 9; khoản 1 Điều 14, Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Trần Phú S đối với chị Nguyễn Thị Kiều T.

Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Trần Phú S và chị Nguyễn Thị Kiều T.

2. Về con chung: anh Trần Phú S và chị Nguyễn Thị Kiều T thống nhất xác định vợ chồng không có con chung, miễn xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung phải thu, phải trả: anh Trần Phú S và chị Nguyễn Thị Kiều T thống nhất xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết, miễn xét.

4. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của anh Trần Phú S về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị A trả số vàng cưới là 17 (mười bảy) chỉ vàng 24K và yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng là số vàng cưới là 17 (mười bảy) chỉ vàng 24K.

5. Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân:

Buộc anh Trần Phú S phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm về hôn nhân gia đình. Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.490.000đồng (Một triệu bốn trăm chín mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số N⁰ 0008207, ngày 12 tháng 04 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm. Số tiền còn lại 1.190.000đ (Một triệu một trăm chín mươi nghìn đồng) hoàn trả lại cho anh Trần Phú S

Chị Nguyễn Thị Kiều T không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Vũng Liêm;
- Chi cục THADS huyện Vũng Liêm;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Kim Mẫn